

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/12/2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Khmau

Ông Nguyễn Văn Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: 203 B SC 29649 USA (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2023, bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C sống chung với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 07/12/2011 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, vợ chồng bà chung sống với nhau được 01 tháng thì bà đi Mỹ, bà cũng có về Việt Nam nhưng giữa bà và ông C không còn liên lạc với nhau, vì tính tình không hợp, không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không thể kéo dài được nên bà xin được ly hôn với ông C, ông bà không có con chung, tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa không có lời trình bày:

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất ngày 06/11/2023, ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên hòa giải (có sự chứng kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nộp đơn khởi kiện và nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án) là chị Phan Thị Cẩm T, ông C có lời trình bày: Việc hôn nhân là việc riêng của vợ chồng ông không liên quan đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đến việc yêu cầu ly hôn của bà T, ông và bà T sẽ tự giải quyết với nhau. Khi Tòa án lập biên bản ông C không đồng ý ký tên vào biên phiên họp, bản hòa giải; không nhận bất kỳ văn bản nào của Tòa án và tự ý bỏ ra về.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C, xét thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông C là hợp pháp, quá trình chung sống cả hai không thể gắn kết tình yêu thương, bà T ở Hoa Kỳ còn ông C thì ở Việt Nam xa nhau về mặt địa lý, không liên lạc, không quan tâm nhau thì không thể đạt được mục đích hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông C nhưng ông C không có mặt tại địa phương, Tòa án cũng nhiều lần liên hệ với ông C, cũng như phối hợp với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Phan Thị Cẩm T để yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ mới nơi hiện tại của ông C đang sinh sống nhưng ông C không cung cấp. Mặt khác, tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ông C có mặt nhưng hợp tác làm việc với Tòa án, có thái độ không tôn trọng Tòa án, từ đó thấy rằng ông C đã cố tình giấu địa chỉ để gây khó khăn cho Tòa án trong giải quyết vụ án ly hôn này. Bởi lẽ đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông C để làm căn cứ đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, cho bà T ly hôn với ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C, bà T hiện đang cư trú và làm việc tại Hòa Kỳ. Theo đơn khởi kiện bà T ghi đầy đủ địa chỉ của ông C cư trú tại ấp A, xã T, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh, quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh làm việc với người thân ông C thì được biết ông C cùng gia đình (mẹ, anh chị của ông C) đã bỏ địa phương lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống trên 10 năm nay, nhưng hàng năm gần tết đều có về địa phương tảo mộ cha và chị ông C, Tòa án tiến hành làm việc với chính quyền địa phương (Trưởng ban nhân dân ấp A; Công an xã T) thì được xác nhận ông C vẫn còn hộ khẩu cư trú tại ấp A, xã T, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh, chưa có thông tin ông C đăng ký chuyển hộ khẩu đi nơi khác và trong tháng 11/2023 ông C có về làm mã số định danh tại Công an xã T cũng địa chỉ nêu trên. Căn cứ

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[2] Nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T với ông Nguyễn Văn C sống chung với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2011, bà T và ông C sống chung với nhau tại Việt Nam được một tháng thì bà T về Hoa Kỳ, kể từ đó bà T và ông C không còn liên lạc, gặp nhau, không còn yêu thương nhau, tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên Bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Xét thấy giữa bà T và ông C sau khi kết hôn không quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn liên lạc qua lại gặp nhau, đời sống chung không đạt được, dẫn đến tình cảm trong hôn nhân đã tổn thương trầm trọng, không thể tiếp tục hàn gắn được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C.

[3] Xét về thủ tục xét xử vắng mặt ông C: Trong quá trình tố tụng Tòa án có tiến hành gửi các văn bản tố tụng để thông báo cho ông C biết việc bà T nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng ông C rất không hợp tác, cụ thể ngày 25/10/2023 Tòa án ban hành Thông báo thụ lý số 33/TB-TLVA gửi đường bưu điện (gửi đảm bảo và báo phát) theo địa chỉ ấp A, xã T, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh, có ghi số điện thoại của ông C, chị của ông C (không rõ họ tên) từ chối nhận văn bản bưu điện phát. Sau đó chị của ông C có cung cấp cho Tòa án số điện thoại ông C, khi Tòa án liên lạc được với ông C thì biết được ông C cùng gia đình (mẹ, anh trai, chị gái) đang sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án có yêu cầu ông C cung cấp địa chỉ mới nơi ông C đang cư trú nhưng ông C không cung cấp.

Ngày 30/10/2023, Tòa án ban hành Thông báo số 10/TB-TA về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 06/11/2023, do không thể tiếp tục gửi bằng đường bưu điện nên người đại diện theo ủy quyền của nguyên (nêu trên) đã yêu cầu nhận Thông báo số 10/TB-TA ngày 30/10/2023 để giao cho ông C và gửi được thông báo cho ông C bằng mạng xã hội Zalo (lý do người đại diện theo ủy quyền của bà T có liên lạc với ông C trước đó để cho ông C biết về việc bà T xin ly hôn với ông C). Đến ngày 06/11/2023, ông C có mặt tại Tòa án vào lúc 10 giờ 20 phút ông C cho rằng việc hôn nhân của ông và bà T ông sẽ tự giải quyết không liên quan đến Tòa án, không ký nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án và bỏ ra về. Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 17/11/2023 nhưng ông C không chấp hành theo triệu tập của Tòa án vắng mặt không có lý do.

Ngày 17/11/2023, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS và Giấy triệu tập số 12/GTT-TA ấn định ngày mở phiên tòa xét xử vào các ngày 04/12/2023, 19/12/2023 và niêm yết thủ tục đúng quy định của pháp luật. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[4] Ông C và bà T không có con chung, không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 buộc bà bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị T đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

3 Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp bằng 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0018039, ngày 06/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, bà T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T hiện đang định cư tại Hoa Kỳ vắng mặt tại phiên tòa có ủy quyền cho người đại diện nhận văn bản tố tụng, thời hạn kháng cáo 01 tháng kể từ ngày người đại diện theo ủy quyền của bà T nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã **B**, huyện Càng L, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Khmau

Nguyễn Văn Đình

Trịnh Hữu Bình

